

Số: 113/2021/CV- SBSI

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (+84) 24 3377 6699 - Fax: (+84) 24 3373 6699
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quang Anh  
Chức vụ: Tổng giám đốc – Đại diện pháp luật
- Loại thông tin công bố:  
 24 giờ  72 giờ  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ

**Nội dung thông tin cần công bố:**

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2020;

Thông tin này chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 01 tháng 04 năm 2021 tại đường dẫn: <http://sbsi.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thường niên năm 2020

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN *grob*



CÔNG TY  
CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
STANLEY BROTHERS  
Đ. ĐÔNG ĐA - T.P. HÀ NỘI

Nguyễn Quang Anh



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

---

NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
STANLEY BROTHERS

Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội  
(84) 2433776699 | <https://sbsi.vn/>





# MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
4. Định hướng phát triển.....	10
5. Các rủi ro .....	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	13
1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	13
2. Tổ chức và nhân sự.....	14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	15
4. Tình hình tài chính.....	15
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	16
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	17
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	18
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh .....	18
2. Tình hình tài chính.....	19
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	21
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	22
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty... ..	22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ....	22
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	22
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.....	23
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	23
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	23
1. Hội đồng quản trị.....	23
2. Ban Kiểm soát .....	25
VI. Báo cáo tài chính.....	27
1. Ý kiến kiểm toán .....	27
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	27

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 83/UBCK-GP ngày 16/01/2008 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
- Vốn điều lệ: 339.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 339.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: (84) 24 3377 6699
- Số fax: (84) 24 3373 6699
- Website: <https://sbsi.vn/>
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu, được thành lập ngày 16/01/2008 theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính đặt tại tầng 5 và 6 tòa nhà 1015 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh; vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng. Công ty được thực hiện các loại hình kinh doanh gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Ngày 29/03/2017, Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Trụ sở mới đặt tại Tầng 15, tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017 và Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 31/01/2019, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers theo Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo đó:

- Trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội



- Vốn điều lệ: 339.000.000.000 đồng
- Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: tự doanh chứng khoán

Ngày 09/09/2020 Công ty bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Bảo lãnh phát hành chứng khoán, theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác.

Trong đó hoạt động môi giới chứng khoán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu 02 năm gần nhất của công ty.

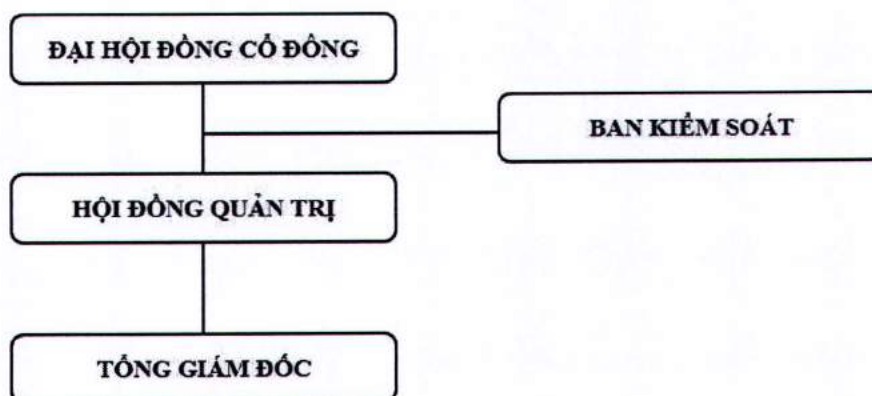
b) Địa bàn kinh doanh

Công ty có 01 trụ sở chính tại Hà Nội, trong 02 năm gần nhất doanh thu của công ty đến từ thị trường trong nước.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.



(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)

**Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và có quyền quyết định thông qua những vấn đề sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng hoặc giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Thông qua phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

**Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Giúp việc cho Hội đồng quản trị gồm có các bộ phận: Văn phòng Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro, Trợ lý và quản trị.

Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn sau:



- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 135, khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý quan trọng khác do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế tài chính, quy chế lương và một số quy chế nội bộ quan trọng khác do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản



lỗi phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

**Ban kiểm soát:** gồm 3 thành viên, Ban kiểm soát có nhiệm vụ:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại tiết (iii) điểm a khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này;
- Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày



kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 17, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Ban kiểm soát phải đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo;
- Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên UBCK bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
- Trường hợp kiểm soát viên biết rằng các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, vì thế xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty nhưng không thực hiện thông báo, thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định thì kiểm soát viên đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Nhiệm vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

#### **Ban Tổng Giám đốc:**

Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không



hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là 05 năm.

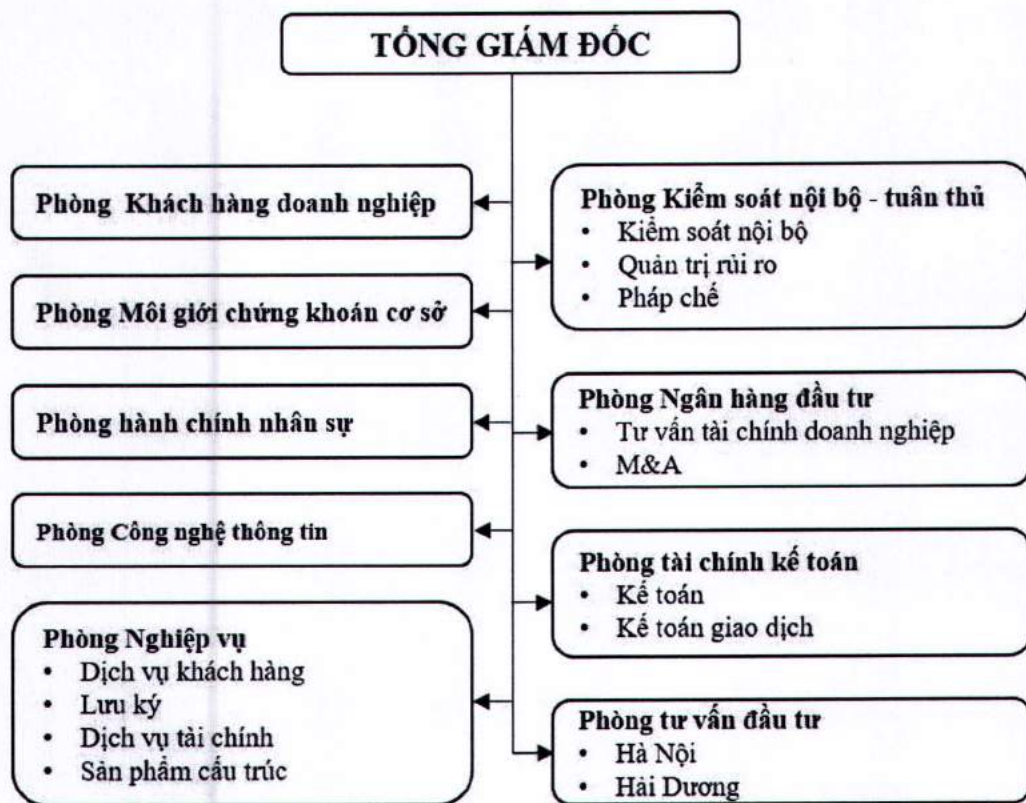
Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức. Ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty (bao gồm các quy chế, quy định, quy trình...) trừ những quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:





(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)

Bộ máy quản lý được phân chia thành các phòng ban riêng biệt, đứng đầu các phòng là Trưởng phòng. Trưởng phòng thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, đồng thời báo cáo Tổng Giám đốc theo quy định Công ty.

c) Các công ty con, công ty liên kết: không có

#### 4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trở thành một trong những định chế trung gian tài chính hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán và trở thành công ty chứng khoán dẫn đầu về các ứng dụng công nghệ trong sản phẩm tài chính.
- Xây dựng SBSI trở thành platform giao dịch với đầy đủ tiện ích, đáp ứng nhu cầu giao dịch, nhu cầu phân tích, nhu cầu thông tin một cách nhanh chóng, đơn giản.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển các hoạt động truyền thống của công ty chứng khoán, hướng đến dẫn đầu về ứng dụng công nghệ trong sản phẩm tài chính của công ty, đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán.
- Phát triển nguồn nhân lực: chú trọng đào tạo và tuyển dụng nguồn nhân lực có chất

lượng cao, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

## 5. Các rủi ro

### a) Rủi ro pháp lý:

Rủi ro pháp lý là rủi ro được nhận diện từ việc:

- Công ty không tuân thủ, tuân thủ không đầy đủ, không đúng các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động.
- Công ty hoạt động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ khi chưa có quy định của pháp luật.
- Tranh chấp, khiếu kiện... liên quan đến các Hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết với khách hàng, đối tác, người lao động...

Các biện pháp được Công ty áp dụng để giảm thiểu rủi ro pháp lý như:

- Thường xuyên cập nhật, phổ biến và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các chế độ, chính sách.
- Tăng cường chất lượng nhân sự và năng lực tư vấn pháp lý của Bộ phận pháp chế.
- Tăng cường trao đổi, đào tạo về kiến thức, kinh nghiệm pháp lý giữa Bộ phận pháp chế và Ban lãnh đạo, các phòng ban.

### b) Rủi ro hoạt động

- Là rủi ro xảy ra trong một số trường hợp sau:
- Do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống của hệ thống công nghệ thông tin.
- Do quy trình nghiệp vụ và thủ tục không đầy đủ, không cập nhật, không phù hợp.
- Do lỗi của con người thực hiện không đúng hoặc cố tình làm sai.
- Do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài khác.

Các biện pháp được Công ty áp dụng để giảm thiểu rủi ro hoạt động như:

- Ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và giám sát việc tuân thủ bộ quy tắc này.
- Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định nội bộ.
- Nâng cấp các phần mềm bảo mật, phối hợp thường xuyên với đối tác cung cấp phần mềm để đảm bảo tính ổn định, bảo mật của hệ thống phần mềm giao dịch.
- Phân công, phân nhiệm rõ ràng, tăng cường cơ chế kiểm tra chéo, giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận, cá nhân.
- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy chế, quy trình, quy định nội bộ.



### c) *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh trong các hoạt động như: đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, cho vay ... làm giảm giá trị các khoản đầu tư của Công ty và giá trị tài sản đảm bảo của Khách hàng gây nên những ảnh hưởng bất lợi cho Công ty.

Các biện pháp được Công ty áp dụng để giảm thiểu rủi ro thị trường như:

- Thực hiện tốt công tác phân tích, dự báo.
- Theo dõi sát diễn biến thị trường, giá cổ phiếu.
- Áp dụng các công cụ đánh giá rủi ro.

### d) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng, đối tác không thanh toán, thanh toán không kịp thời cho Công ty các khoản tiền như: các khoản tiền cho vay, đầu tư các công cụ nợ dưới dạng trái phiếu...

Để phòng ngừa rủi ro tín dụng liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính, Công ty áp dụng các biện pháp quản trị sau:

- Phân loại khách hàng để cung cấp hạn mức cho vay và các chính sách tín dụng phù hợp với độ tín nhiệm, khả năng thanh toán và tài sản ký quỹ của khách hàng.
- Xây dựng danh mục chứng khoán cho vay và tỷ lệ cho vay, tỷ lệ duy trì, tỷ lệ giải chấp phù hợp với quy định pháp luật và quy định Công ty.
- Làm tốt công tác giải chấp, gọi bổ sung tài sản đảm bảo và thu hồi nợ.

Để phòng ngừa rủi ro tín dụng liên quan đến việc đầu tư trái phiếu Công ty áp dụng các biện pháp quản trị sau:

- Tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật
- Đánh giá thận trọng mức độ tín nhiệm, khả năng thanh toán, tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành.

### e) *Rủi ro về môi trường*

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính, không sử dụng tài nguyên thiên nhiên nên rủi ro về môi trường là không đáng kể.

Tuy nhiên, rủi ro từ môi trường kinh doanh (chính trị, kinh tế, xã hội ...) là rủi ro hệ thống và tác động đến nền kinh tế nói chung và công ty nói riêng. Để hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi của môi trường kinh doanh và đánh giá các tác động đến mọi mặt hoạt động của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động kinh doanh

#### a) Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

*ĐVT: đồng*

Chỉ tiêu	2019	2020	Thay đổi
Doanh thu hoạt động	41.562.235.684	62.882.094.251	51,3%
Chi phí hoạt động	13.714.017.329	23.570.871.834	71,9%
Doanh thu hoạt động tài chính	532.757.748	209.194.193	-60,7%
Chi phí tài chính	278.750.684	0	-100,0%
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	17.499.902.560	12.662.347.843	-27,6%
Kết quả hoạt động	10.602.322.859	26.858.068.767	153,3%
Kết quả hoạt động khác	(415.749.024)	(379.726.515)	-8,7%
Lợi nhuận sau thuế	8.114.482.649	24.524.274.310	202,2%

*(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)*

Doanh thu hoạt động tăng trưởng 51,3% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán tăng mạnh so với năm 2019, chiếm khoảng 50% cơ cấu doanh thu hoạt động của Công ty.

Các chi phí được Công ty kiểm soát tốt, đặc biệt là chi phí quản lý Công ty chứng khoán giảm 27,6% so với cùng kỳ, là những yếu tố giúp lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng mạnh so với năm 2019.

#### b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch

*ĐVT: đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thay đổi so với kế hoạch
Tổng doanh thu	42.125	110.396	64.527	58,5%
Chi phí hoạt động	13.992	75.182	23.571	31,4%
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	17.946	31.538	12.662	40,1%
Lợi nhuận trước thuế	10.187	3.676	26.478	720,3%

*(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers)*



Tổng doanh thu năm 2020 đạt 64,5 tỷ đồng tương ứng tăng trưởng 53% so với năm 2019 và hoàn thành 58,5% kế hoạch doanh thu năm 2020. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 ghi nhận mức tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ, lợi nhuận đạt 26,4 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng 53% so với năm 2019 và hoàn thành 58% kế hoạch.

Năm 2020 là một năm khởi sắc của thị trường chứng khoán Việt Nam, mặt bằng lãi suất ở mức thấp, dòng tiền từ các kênh đầu tư khác tiếp tục đổ vào thị trường chứng khoán, giá trị giao dịch bình quân phiên trên thị trường chứng khoán duy trì ở mức cao là những điều kiện thuận lợi để thị trường phát triển, các công ty chứng khoán gia tăng nguồn thu.

Mặc dù vậy, sự cạnh tranh trên thị trường giữa các công ty chứng khoán diễn ra gay gắt. Để đạt kết quả tích cực nêu trên, Công ty đã đưa ra các chính sách phù hợp nhằm giữ chân khách hàng, đồng thời quản lý chặt chẽ chi phí phát sinh.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a) Danh sách Ban điều hành

Ban điều hành của công ty gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Quang Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0%
2	Bùi Thị Việt Hà	Kế toán trưởng	0%

*Ông Nguyễn Quang Anh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc:*

Trước khi gia nhập SBSI, ông Nguyễn Quang Anh đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như Trưởng phòng Kế hoạch hiệu suất, Ngân hàng TMCP Quốc Dân; Phó (Phụ trách) ban Tài chính Công ty chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng; Phó Tổng Giám đốc điều hành rồi Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán EuroCapital ...

Năm 2019 ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers. Ông tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội (nay là Học viện Tài Chính) chuyên ngành Tài chính tín dụng, Ông có bằng Thạc sĩ Đại học Nantes – Cộng Hòa Pháp chuyên ngành Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm (Việt Nam và Đông Nam Á).

*Bà Bùi Thị Việt Hà – Kế toán trưởng*

Bà đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng Công ty từ năm 2019. Trước đó, bà kinh qua nhiều vị trí như Kế toán trưởng Công ty TNHH Việt Phan; Phó Phòng Kế toán Lưu ký, Phụ trách Kế toán tài chính Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Hà Nội; Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia ... Bà đã học tập và tốt nghiệp với tấm bằng cử nhân Tài



chính tín dụng, Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội (Học viện Tài Chính).

b) Những thay đổi trong ban điều hành

Không có

c) Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên: tính đến 31/12/2020 số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty là 33 người (tại ngày 31/12/2019 là: 44 người)
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật: đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đúng quy định, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng để vinh danh cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc trong quá trình làm việc tại Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm công ty không có các khoản đầu tư dự án lớn, các khoản đầu tư khác như Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) được nêu chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 và đã công bố thông tin.

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

	<i>ĐVT: đồng</i>		
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	361.053.021.271	376.740.358.714	4,3%
Doanh thu hoạt động	41.562.235.684	62.882.094.251	51,3%
Kết quả hoạt động	10.186.573.835	26.858.068.767	153,3%
Kết quả hoạt động khác	(415,749,024)	(379.726.515)	-8,7%



Lợi nhuận trước thuế	10,186,573,835	26.478.342.252	159,9%
Lợi nhuận sau thuế	8.114.482.649	24.524.274.310	202,2%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	29,2	30,7
Hệ số thanh toán nhanh	29,2	30,7
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	3,2%	3,0%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,3%	3,1%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho	-	-
Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản	0,1	0,2
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	19,5%	39,0%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,3%	6,7%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,3%	6,5%
Hệ số Kết quả hoạt động/Doanh thu hoạt động	25,5%	42,7%

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 33.900.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 33.900.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phần. Lý do: hết thời hạn bị hạn chế chuyển

nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán riêng lẻ.

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019 như sau:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	6.766.440	19,96%	2
	Cổ đông nhỏ	27.133.560	80,04%	17
	Tổng cộng	33.900.000	100%	19
2	Cổ đông tổ chức	700.000	2,06%	1
	Cổ đông cá nhân	33.200.000	97,94%	18
	Tổng cộng	33.900.000	100%	19
3	Cổ đông trong nước	33.900.000	100,00%	19
	Cổ đông nước ngoài	0	0,00%	0
	Tổng cộng	33.900.000	100%	19
4	Cổ đông Nhà nước	0	0,00%	0
	Cổ đông khác	33.900.000	100,00%	19
	Tổng cộng	33.900.000	100%	19

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ: không có
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có



## b) Chính sách liên quan đến người lao động

*Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:*

- Số lượng lao động tính đến 31/12/2020: 33 người
- Mức lương trung bình: 19.807.416 đồng/tháng

*Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:*

Thời gian làm việc tại công ty là 8h/ngày, từ thứ 2 tới thứ 6, nghỉ trưa 1h. Cán bộ nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với Cán bộ nhân viên làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài các chính sách phúc lợi theo yêu cầu nhà nước, nhân viên còn được hưởng thêm các chế độ phúc lợi khác như: nghỉ mát, sinh nhật, thưởng theo kết quả công việc.

Điều kiện làm việc: Công ty có trụ sở làm việc rộng rãi, hiện đại với đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công việc và đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

*Hoạt động đào tạo người lao động:*

Nhằm hỗ trợ người lao động nâng cao kỹ năng công việc, công ty luôn quan tâm và tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo gồm:

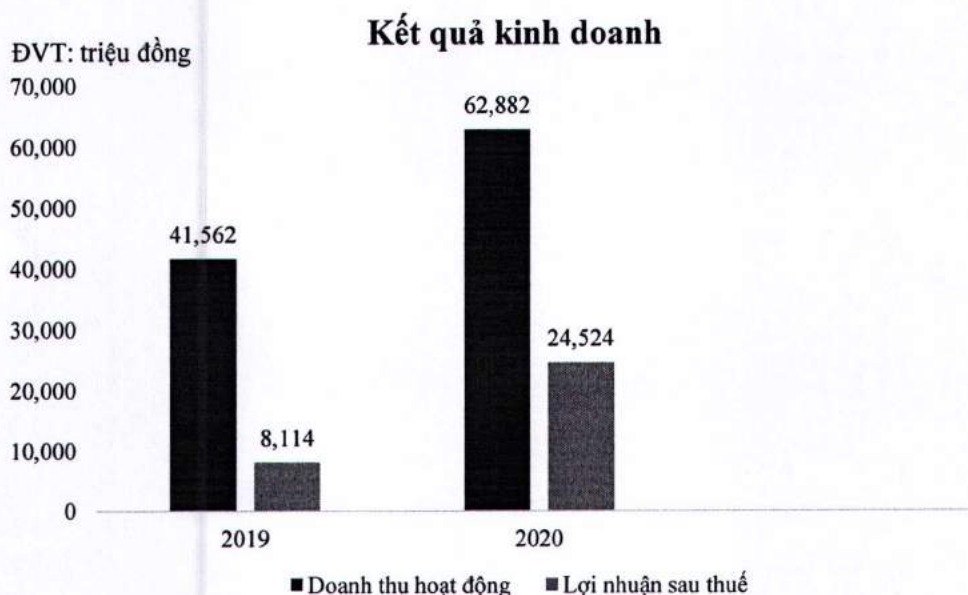
- Đào tạo nội bộ: Công ty tổ chức các buổi đào tạo nội bộ nhằm phổ biến các kiến thức nghiệp vụ, sản phẩm mới, các kỹ năng cần thiết trong quá trình làm việc đến nhân viên.
- Đào tạo bên ngoài: Cán bộ nhân viên có nhu cầu tham gia các khóa học bên ngoài được công ty xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

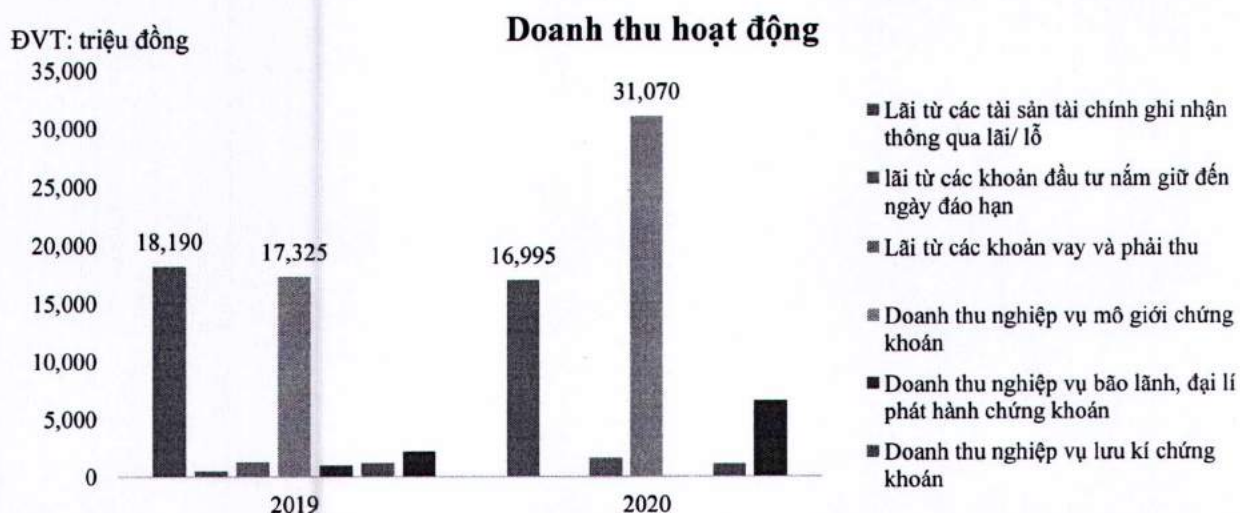
### 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu năm 2020 của công ty có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2019, trong đó chủ yếu là doanh thu hoạt động, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác không đáng kể. Doanh thu hoạt động đạt 62,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 24,5 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng lần lượt 51,3% và 202,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Doanh thu hoạt động năm 2019 đến từ hai khoản mục chính là Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL): 16,9 tỷ đồng và Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán: 31,1 tỷ đồng, tương ứng chiếm lần lượt 27,0% và 49,4% cơ cấu doanh thu hoạt động năm 2020.



(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)



(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)

## 2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Thay đổi
I	Tài sản ngắn hạn	332.426.395.455	348.011.116.136	4,5%
1	Tài sản tài chính	330.785.352.050	347.537.981.965	4,8%
2	Tài sản ngắn hạn khác	1.641.043.405	473.134.171	-246,8%



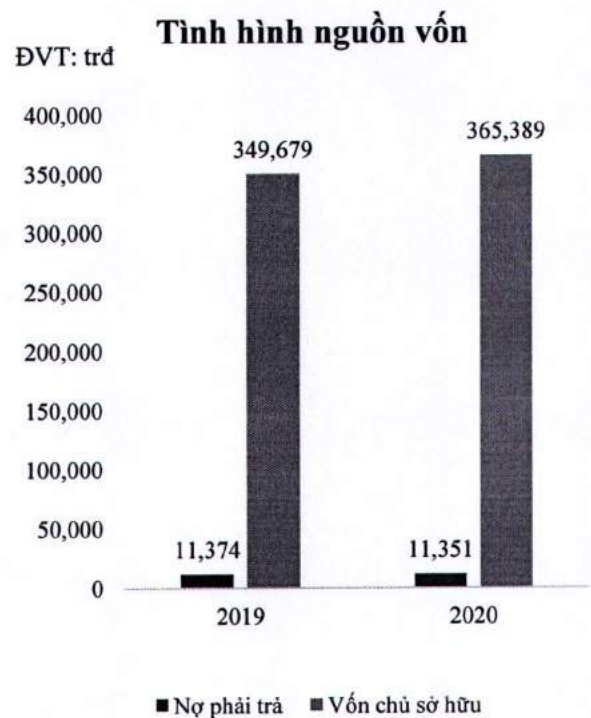
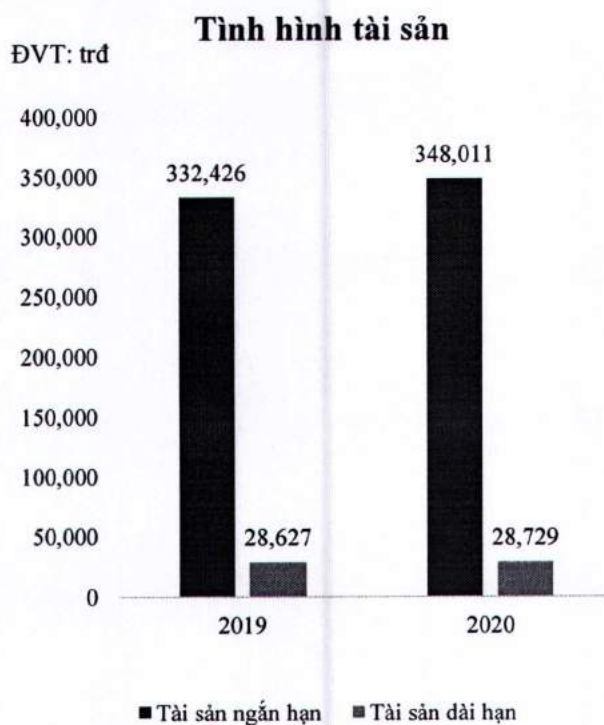
II	Tài sản dài hạn	28.626.625.816	28.729.242.578	0,4%
1	Tài sản cố định	8.671.485.673	22.866.539.707	62,1%
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16.604.780.000	500.000.000	-3221,0%
3	Tài sản dài hạn khác	3.350.360.143	5.362.702.871	37,5%
<b>Tổng cộng tài sản</b>		<b>361.053.021.271</b>	<b>376.740.358.714</b>	<b>4,2%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

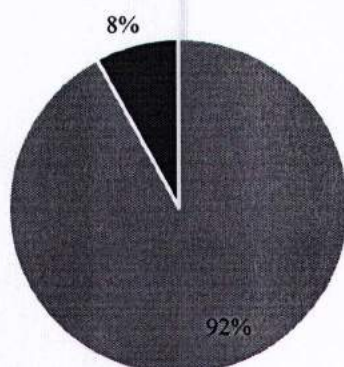
Tình hình nguồn vốn:

ĐVT: đồng				
	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Thay đổi
I	Nợ phải trả	11.373.819.393	11.350.882.526	-0,2%
1	Nợ phải trả ngắn hạn	11.373.819.393	11.350.882.526	-0,2%
2	Nợ dài hạn	-	-	-
II	Vốn chủ sở hữu	349.679.201.878	365.389.476.188	4,5%
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>		<b>361.053.021.271</b>	<b>376.740.358.714</b>	<b>4,3%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

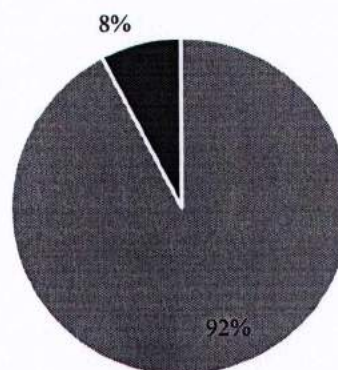


**Cơ cấu tài sản 31/12/2019**



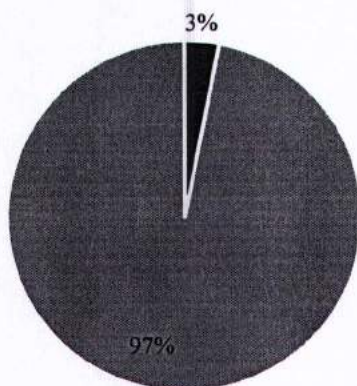
■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

**Cơ cấu tài sản 31/12/2020**



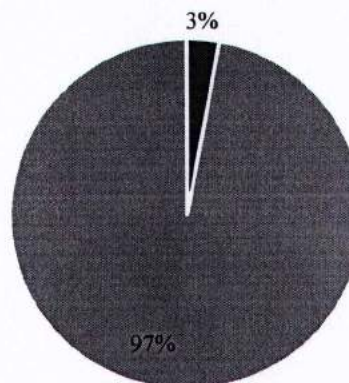
■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

**Cơ cấu nguồn vốn 31/12/2019**



■ Nợ phải trả ■ Vốn chủ sở hữu

**Cơ cấu nguồn vốn 31/12/2020**



■ Nợ phải trả ■ Vốn chủ sở hữu

*(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)*

Cơ cấu tài sản của công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn (chiếm 92% cơ cấu tài sản – 31/12/2020), tài sản dài hạn duy trì mức 8%.

Nợ phải trả chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn của công ty, tại ngày 31/12/2020 nợ phải trả chiếm 3% trong cơ cấu nguồn vốn, trong đó nợ phải trả là nợ ngắn hạn, công ty không phát sinh các khoản vay ngân hàng.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Để hoạt động của Công ty tinh gọn, hiệu quả hơn, trong năm công ty đã thay đổi cơ cấu tổ chức, trong đó Văn phòng hội đồng quản trị và khối giám sát được cơ cấu lại. Cơ cấu tổ chức của Công ty tinh gọn, ít cấp trung gian, Tổng Giám đốc phụ trách chung hoạt động của Công ty, dưới Tổng Giám đốc là các phòng ban nghiệp vụ.



#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu quản trị Công ty.
- Nâng cao trình độ nhân sự trong Công ty nhất là nhân sự môi giới, tạo niềm tin nơi khách hàng.
- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch và mục tiêu kinh doanh, chủ động tài chính đảm bảo nguồn vốn phục vụ kinh doanh và đầu tư.
- Xây dựng chế độ tiền lương, tiền thưởng cạnh tranh nhằm tạo động lực cho người lao động phát huy khả năng trong công việc.

#### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

##### **a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Là công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ở mức thấp. Ngoài ra, Công ty có quy định về việc tiết kiệm các chi phí văn phòng, tiết kiệm năng lượng, thường xuyên tuyên truyền đến cán bộ nhân viên ý thức tiết kiệm năng lượng, nước, điện như: tắt các thiết bị điện khi không cần thiết, tiết kiệm sử dụng giấy văn phòng ...

##### **b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Công ty tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến người lao động, thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Lao Động, chăm lo đến đời sống nhân viên, có chính sách thưởng đối với người lao động có kết quả công việc tốt trong năm, chi trả các khoản thưởng cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, 8/3 ...

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Trong năm 2020, các phòng/ ban theo chức năng và nhiệm vụ của mình, đã thực hiện tốt các quy trình/ quy định nội bộ tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Các phòng/ ban đã triển khai các sản phẩm mới, sự phối hợp giữa các bộ phận mang lại hiệu quả cao.
- Công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ của Công ty tiếp tục được tăng cường.
- Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ, nhân viên đã nỗ lực và thực hiện đồng bộ các giải pháp để từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Công ty chú trọng công tác bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội thông qua việc đào tạo nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về ý thức trách nhiệm môi trường, cộng đồng, xã hội.



## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

- Ban Tổng Giám đốc với chức năng và quyền hạn của mình, đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ các công việc được Đại hội đồng cổ đông, HĐQT giao phó đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh được đề ra, kết quả kinh doanh: doanh thu hoạt động tăng 51,3% và lợi nhuận sau thuế tăng 202,2% so với cùng kì năm 2019.
- Công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa và kiểm soát được rủi ro.
- Ban Tổng Giám Đốc duy trì các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng với các phòng/ban để có những chỉ đạo sát sao, phù hợp.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2021, HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường vai trò quản lý, giám sát đúng theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, phấn đấu hoàn thành tốt các kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó:

- Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2021.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận trong Công ty đảm bảo hiệu quả hoạt động, tuân thủ pháp luật, thực thi kịp thời các công việc mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.
- Kiện toàn công tác nhân sự chủ chốt.
- Định hướng phát triển các sản phẩm dịch vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thị trường.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### **a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) gồm 3 thành viên, trong đó Ông Trịnh Quang Huy được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/06/2020, thay thế Ông Lương Minh Tuấn. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị Công ty hiện nay và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của từng thành viên:



STT	Họ tên	Chức danh	Cổ phần sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ
1	Trịnh Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Nguyễn Quang Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0%
3	Luyện Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Ngân hàng đầu tư	3.383.220	9,98%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

*Các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp:*

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã họp và thông qua các nghị quyết để triển khai quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền gồm:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/QĐ-HĐQT	13/01/2020	Thông qua cơ cấu tổ chức của Công ty	100%
2	02/2020/QĐ-HĐQT	21/01/2020	Thông qua chính sách Quản trị rủi ro	100%
3	03/2020/QĐ-HĐQT	25/02/2020	Thông qua phương án đầu tư kinh doanh	100%
4	04/2020/NQ-HĐQT	07/04/2020	Gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020	100%
5	05/2020/NQ-HĐQT	12/05/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ	100%
6	08/2020/NQ-HĐQT	01/06/2020	Quyết định bầu chủ tịch HĐQT	100%
7	10/2020/NQ-HĐQT	02/06/2020	Thông qua phương án chi trả cổ tức 2019	100%
8	11/2020/NQ-HĐQT	10/06/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán	100%
9	13/2020/NQ-HĐQT	19/06/2020	Thông qua hoạt động đầu tư của Công ty	100%
10	14/2020/NQ-HĐQT	22/06/2020	Thông qua hoạt động đầu tư của Công ty	100%
11	15/2020/NQ-HĐQT	01/07/2020	Thông qua điều chỉnh cơ cấu tổ	100%

			chức của Công ty	
12	16/2020/NQ-HĐQT	13/07/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ bất thường lần 01	100%
13	19/2020/NQ-HĐQT	06/08/2020	Triển khai bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	100%
14	20/2020/NQ-HĐQT	05/10/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua phương án đầu tư kinh doanh giá trị trên 10% Tổng tài sản Công ty	100%

*Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:*

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát đối với hoạt động điều hành của Tổng giám đốc. Đồng thời chỉ đạo, đôn đốc, triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo thực hiện đúng Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Qua việc giám sát và đánh giá sự tuân thủ, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định. Hội đồng quản trị đánh giá cao và ghi nhận kết quả điều hành kinh doanh năm 2020 của Tổng giám đốc. Tổng giám đốc đã chủ động thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có (mô hình hoạt động của Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập)

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các buổi đào tạo nội bộ, phổ biến các văn bản pháp luật hiện hành về quản trị công ty. Đồng thời tự cập nhật các kiến thức và quy định liên quan về quản trị công ty, tham gia các hội thảo liên quan theo nhu cầu của từng người.

## **2. Ban Kiểm soát**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, danh sách thành viên Ban kiểm soát và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của từng thành viên như sau:



STT	Họ tên	Chức danh	Cổ phần sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ
1	Đỗ Đức Lộc	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Đinh Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
3	Trần Thị Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

*Cuộc họp của Ban kiểm soát:*

Cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2020 như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đỗ Đức Lộc	02	100%	100%	
2	Bà Trần Thị Hòa	02	100%	100%	
3	Bà Đinh Thị Lan Anh	02	100%	100%	

*Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc:*

Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để giám sát việc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật. Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các Biên bản và Nghị quyết/Quyết định trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát Giám sát các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành.

*Kết quả giám sát:*

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động Công ty theo đúng mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và điều lệ, Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý được chi trả cho từng người theo vị trí, chức danh công



việc gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo Quy chế lao động của Công ty.

Cổ tức (nếu có) nhận được trong năm được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và được Công ty công bố thông tin theo quy định.

Thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Năm 2019, Đại hội đồng cổ đông thông qua không chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Chi tiết thù lao cho từng thành viên năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông họp và thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2020.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về quản trị công ty, trong năm công ty thực hiện tốt các chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Báo cáo tài chính của công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Theo ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Đã được công bố tại website công ty: <https://sbsi.vn/vi-vn/ve-sbsi/chi-tiet-bai-viet/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/E23/113681>

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Anh



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Cho cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

---

### **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-39
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-39



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008; Giấy phép số 30/UBCK-GP ngày 16/01/2009; Giấy phép số 357/UBCK-GP ngày 19/10/2010; Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 05/04/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017; Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017; Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 02/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2018; Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019; Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 12/06/2019 và Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Quang Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2020
Ông Lương Minh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Anh	Thành viên	
Ông Luyện Quang Thắng	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Đức Lộc	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Lan Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Hòa	Ủy viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021





Số: 190321.003/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers được lập ngày 12 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



aasc.com.vn

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



AASC AUDITING FIRM

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021*

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

CHỨNG NHẬN  
KIỂM TOÁN  
C  
TP

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>348.011.116.136</b>	<b>332.426.395.455</b>
110	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>347.537.981.965</b>	<b>330.785.352.050</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	13.632.854.390	26.537.848.271
111.1	1.1 Tiền		13.632.854.390	26.537.848.271
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	-	251.700.000.000
114	3. Các khoản cho vay	5	90.001.474.854	26.236.736.214
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	241.510.381.056	-
117	5. Các khoản phải thu	6	202.057.200	22.954.462.892
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	22.932.838.500
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		202.057.200	21.624.392
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		202.057.200	21.624.392
118	6. Trả trước cho người bán		1.692.411.585	2.726.674.313
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	498.442.828	318.982.859
122	8. Các khoản phải thu khác	6	360.052	310.647.501
130	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>473.134.171</b>	<b>1.641.043.405</b>
131	1. Tạm ứng		-	24.500.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	7	96.650.328	155.194.328
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	375.483.843	1.375.841.004
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9	1.000.000	1.000.000
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	84.508.073
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>28.729.242.578</b>	<b>28.626.625.816</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>22.866.539.707</b>	<b>8.671.485.673</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.019.099.688	3.611.913.962
222	- Nguyên giá		21.025.705.927	9.593.825.927
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.006.606.239)	(5.981.911.965)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.847.440.019	5.059.571.711
228	- Nguyên giá		15.820.810.520	7.806.000.520
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.973.370.501)	(2.746.428.809)
240	<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	12	<b>500.000.000</b>	<b>16.604.780.000</b>
250	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.362.702.871</b>	<b>3.350.360.143</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	820.109.106	1.108.583.554
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.822.274.330	739.994.307
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	2.720.319.435	1.501.782.282
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>376.740.358.714</b>	<b>361.053.021.271</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.350.882.526</b>	<b>11.373.819.393</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>11.350.882.526</b>	<b>11.373.819.393</b>
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	1.032.391.176	332.412.382
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	15	305.923.887	5.079.368.446
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.195.105.482	366.666.668
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.760.774.098	3.203.903.462
323	5. Phải trả người lao động		721.978.030	1.231.728.004
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	148.948.441	1.154.166.741
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	185.761.412	5.573.690
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>365.389.476.188</b>	<b>349.679.201.878</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>365.389.476.188</b>	<b>349.679.201.878</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		339.000.000.000	339.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		649.372.459	128.235.961
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		649.372.459	128.235.961
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		25.090.731.270	10.422.729.956
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		13.116.651.270	10.422.729.956
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		11.974.080.000	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>376.740.358.714</b>	<b>361.053.021.271</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

<b>Mã số</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		33.900.000	33.900.000
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán		10.616.000.000	-
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		178.321.000.000	251.700.000.000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	2.339.660.210.000	1.822.224.660.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		1.437.862.030.000	1.165.122.730.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		155.050.000.000	16.565.030.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		630.945.080.000	526.189.800.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		90.000.000.000	90.000.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		25.803.100.000	24.347.100.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22	14.585.510.000	-
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		14.585.510.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
026	3. Tiền gửi của khách hàng	23	9.195.672.785	14.993.751.861
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		8.761.527.792	14.454.291.537
029	3.0 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		433.384.993	539.460.324
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		433.384.993	539.460.324
030	3.1 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		760.000	-
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	24	9.194.912.785	14.993.751.861
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		9.101.944.538	14.900.958.562
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		92.968.247	92.793.299
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		760.000	-


Nguyễn Thị Năm  
Người lập

Bùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng
  
 Nguyễn Quang Anh  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	16.995.396.214	18.190.347.008
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	26.a) 4.023.716.214	1.048.429.200
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	11.974.080.000	-
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	26.b) 997.600.000	17.141.917.808
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	26.b) -	464.307.395
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.b) 1.590.671.077	1.273.484.457
04	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	26.b) 5.500.000.000	-
06	1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31.076.590.743	17.325.970.626
07	1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	74.940.381	944.950.000
09	1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.074.677.652	1.169.085.285
10	1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	6.569.818.184	2.194.090.913
20		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>62.882.094.251</b>	<b>41.562.235.684</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	2.612.149.136	-
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.a) 2.600.000.000	-
21.3	c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	12.149.136	-
26	2.2	Chi phí hoạt động tự doanh	51.109.704	-
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	14.703.775.217	8.273.298.309
29	2.4	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	2.111.601.095	1.269.833.695
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.365.512.148	1.733.589.504
31	2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2.726.724.534	2.437.295.821
40		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>23.570.871.834</b>	<b>13.714.017.329</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> 27				
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	209.194.193	256.730.351
44	3.2	Doanh thu khác về đầu tư	-	276.027.397
50		<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>209.194.193</b>	<b>532.757.748</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	28		
52	4.1 Chi phí lãi vay		-	278.750.684
60	Cộng chi phí tài chính		-	278.750.684
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	29	12.662.347.843	17.499.902.560
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		26.858.068.767	10.602.322.859
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1 Thu nhập khác	30	1.435.737.259	30.614.632
72	8.2 Chi phí khác	31	1.815.463.774	446.363.656
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(379.726.515)	(415.749.024)
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		26.478.342.252	10.186.573.835
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		14.504.262.252	10.186.573.835
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		11.974.080.000	-
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	32	1.954.067.942	2.072.091.186
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.	1.954.067.942	2.072.091.186
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>24.524.274.310</b>	<b>8.114.482.649</b>
500	<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	33	723	239


Nguyễn Thị Năm  
Người lập

Bùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởngNguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>26.478.342.252</b>	<b>10.186.573.835</b>
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>5.099.279.773</b>	<b>1.348.449.959</b>
03	- Khấu hao tài sản cố định		5.280.054.966	1.326.429.626
06	- Chi phí lãi vay		-	278.750.684
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(180.775.193)	(256.730.351)
18	<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>		<b>(11.974.080.000)</b>	-
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(11.974.080.000)	-
30	<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(20.686.982.099)</b>	<b>(261.017.819.217)</b>
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		251.700.000.000	(251.700.000.000)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	5.400.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(63.764.738.640)	(2.614.733.241)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(229.536.301.056)	-
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		24.975.943.982	(22.932.838.500)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(180.432.808)	44.551.501
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(394.126.637)	24.030.173
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		310.287.449	(251.157.167)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(1.050.985.080)	16.369.840.902
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(1.005.218.300)	300.330.718
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(81.922.862)	(1.533.115.824)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.451.301.120)	(2.415.150.870)
44	- Lãi vay đã trả		-	(278.750.684)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(3.739.181.831)	(3.942.400.252)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		4.054.103.814	1.227.801.423
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(509.749.974)	601.491.532
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		698.166.516	337.986.072
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		245.329.474.448	71.552.786.500
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(245.041.000.000)	(71.208.491.500)
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.083.440.074)</b>	<b>(249.482.795.423)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(3.436.640.000)	(12.752.039.700)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		37.892.000	-
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		209.194.193	256.730.351
70	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(3.189.553.807)</b>	<b>(12.495.309.349)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
73	1. Tiền vay gốc		-	91.600.000.000
73.2	1.1 Tiền vay khác		-	91.600.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(91.600.000.000)
74.3	2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		-	(91.600.000.000)
76	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.632.000.000)	-
80	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(8.632.000.000)</b>	<b>-</b>
90	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>(12.904.993.881)</b>	<b>(261.978.104.772)</b>
101	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>26.537.848.271</b>	<b>288.515.953.043</b>
101.1	- Tiền		26.537.848.271	288.515.953.043
103	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>13.632.854.390</b>	<b>26.537.848.271</b>
103.1	- Tiền		13.632.854.390	26.537.848.271

Nguyễn Thị Năm  
Người lập

Bùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		10.666.659.606.700	5.588.965.222.400
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(10.505.219.144.400)	(5.747.586.459.319)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		2.620.131.793.848	2.362.177.609.465
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(2.786.373.429.048)	(2.246.411.870.425)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(997.666.176)	(988.496.210)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		53.012.010.461	35.265.465.243
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(53.011.250.461)	(35.265.465.243)
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>(5.798.079.076)</b>	<b>(43.843.994.089)</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		<b>14.993.751.861</b>	<b>58.837.745.950</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		14.993.751.861	58.837.745.950
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		14.454.291.537	58.837.745.950
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		539.460.324	-
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>23</b>	<b>9.195.672.785</b>	<b>14.993.751.861</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		9.195.672.785	14.993.751.861
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		8.761.527.792	14.454.291.537
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		433.384.993	539.460.324
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		760.000	-

Nguyễn Thị Năm  
Người lập

Bùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2020

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2019	01/01/2020	Năm 2019		Năm 2020		31/12/2019	31/12/2020
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000	-	-	-	-	339.000.000.000	339.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		339.000.000.000	339.000.000.000	-	-	-	-	339.000.000.000	339.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	128.235.961	128.235.961	-	521.136.498	-	128.235.961	649.372.459
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	128.235.961	128.235.961	-	521.136.498	-	128.235.961	649.372.459
4. Lợi nhuận chưa phân phối		2.564.719.229	10.422.729.956	8.114.482.649	256.471.922	24.524.274.310	9.856.272.996	10.422.729.956	25.090.731.270
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		2.564.719.229	10.422.729.956	8.114.482.649	256.471.922	12.550.194.310	9.856.272.996	10.422.729.956	13.116.651.270
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	11.974.080.000	-	-	11.974.080.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>341.564.719.229</b>	<b>349.679.201.878</b>	<b>8.370.954.571</b>	<b>256.471.922</b>	<b>25.566.547.306</b>	<b>9.856.272.996</b>	<b>349.679.201.878</b>	<b>365.389.476.188</b>

Nguyễn Thị Năm  
Người lập

Bùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2020*

**1 . THÔNG TIN CHUNG**

**1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008; Giấy phép số 30/UBCK-GP ngày 16/01/2009; Giấy phép số 357/UBCK-GP ngày 19/10/2010; Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 05/04/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017; Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017; Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 02/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2018; Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019; Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 12/06/2019 và Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 339.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 339.000.000.000 đồng; tương đương 33.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 44 người).

**1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác.

**1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty đã hoàn thành đầu tư vào cơ sở hạ tầng và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh nên chi phí và doanh thu đều tăng khá lớn. Việc đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh cơ bản, đặc biệt là dịch vụ môi giới và tư vấn đã khiến cho doanh thu cũng như lợi nhuận năm nay tăng mạnh so với năm trước.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

### 2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

#### a) Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**b) Nguyên tắc phân loại**

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

**c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính**

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

### 2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

### 2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 03 năm
- Phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán	03 - 10 năm



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

### 2.7 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

### 2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Các khoản vay:** phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

### 2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

<u>Quỹ</u>	<u>Mức trích từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.12 . Doanh thu, thu nhập***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

**2.13 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**2.14 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính***Doanh thu tài chính bao gồm*

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác.

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm*

- Chi phí lãi vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

### 2.15 . Các khoản thuế

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

### 2.16 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.18 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>2.630.393</b>	<b>1.528.713.406.524</b>
- Cổ phiếu	1.711.600	58.576.800.000
- Trái phiếu	918.793	1.470.136.606.524
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>550.297.132</b>	<b>21.171.878.751.100</b>
- Cổ phiếu	550.297.132	21.171.878.751.100
	<b>552.927.525</b>	<b>22.700.592.157.624</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	14.504.599	39.917.515
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	13.618.349.791	26.497.930.756
	<b>13.632.854.390</b>	<b>26.537.848.271</b>

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu APH	-	-	190.000.000.000	190.000.000.000
Trái phiếu APF	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	11.700.000.000	11.700.000.000
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>251.700.000.000</b>	<b>251.700.000.000</b>

**b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	49.476.800.000	61.450.880.000	-	-
Trái phiếu (**)	180.059.501.056	180.059.501.056	-	-
	<b>229.536.301.056</b>	<b>241.510.381.056</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*): Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2020.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**c) Các khoản cho vay**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hoạt động margin	47.607.800.551	16.134.436.214
Hoạt động ứng trước tiền bán	42.393.674.303	10.102.300.000
	<b>90.001.474.854</b>	<b>26.236.736.214</b>



## 5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## d) Bảng danh hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>FVTPL</b>	-	251.700.000.000	-	251.700.000.000	-	-	-	-	-	251.700.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	11.700.000.000	-	11.700.000.000	-	-	-	-	-	11.700.000.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần An Thành Biscuit	-	11.700.000.000	-	11.700.000.000	-	-	-	-	-	11.700.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	-	240.000.000.000	-	240.000.000.000	-	-	-	-	-	240.000.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	-	190.000.000.000	-	190.000.000.000	-	-	-	-	-	190.000.000.000
- Trái phiếu công ty Cổ phần An Phát Finance	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000
AFS (**)	229.536.301.056	-	241.510.381.056	-	11.974.080.000	-	-	-	241.510.381.056	-
Cổ phiếu niêm yết (*)	229.536.301.056	-	241.510.381.056	-	11.974.080.000	-	-	-	241.510.381.056	-
- Sàn Hồ Chí Minh	49.476.800.000	-	61.450.880.000	-	11.974.080.000	-	-	-	61.450.880.000	-
- APH	4.480.000.000	-	4.787.200.000	-	307.200.000	-	-	-	4.787.200.000	-
- NHH	44.996.800.000	-	56.663.680.000	-	11.666.880.000	-	-	-	56.663.680.000	-
Trái phiếu (**)	180.059.501.056	-	180.059.501.056	-	-	-	-	-	180.059.501.056	-
- Trái phiếu công ty Cổ phần An Phát Finance	33.468.497.724	-	33.468.497.724	-	-	-	-	-	33.468.497.724	-
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	145.931.516.722	-	145.931.516.722	-	-	-	-	-	145.931.516.722	-
- Trái phiếu Công ty TNHH KCN kỹ thuật Cao An Phát	659.486.610	-	659.486.610	-	-	-	-	-	659.486.610	-
	<b>229.536.301.056</b>	<b>251.700.000.000</b>	<b>241.510.381.056</b>	<b>251.700.000.000</b>	<b>11.974.080.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>241.510.381.056</b>	<b>251.700.000.000</b>

(\*) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2020.

(\*\*): Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không thu thập được báo giá của 03 công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết, theo đó giá trị hợp lý được tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(\*\*\*): Căn cứ theo quyết định số 3112/2020/QĐ-TGD ngày 31/12/2020, Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) sang tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS. Chênh lệch đánh giá tăng các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS là giá trị đánh giá tăng tại thời điểm chuyển từ FVTPL sang AFS, khoản chênh lệch tăng này đang được phản ánh tại MS 01.2 - Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	22.932.838.500
Phải thu lãi hoạt động Margin	149.826.149	15.521.319
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	52.231.051	6.103.073
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	498.442.828	318.982.859
- <i>Phải thu phí môi giới chứng khoán</i>	<i>192.576.860</i>	<i>65.542.515</i>
- <i>Phải thu phí tư vấn tài chính</i>	<i>40.000.000</i>	<i>47.500.000</i>
- <i>Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư</i>	<i>265.865.968</i>	<i>205.940.344</i>
Phải thu khác	360.052	310.647.501
- <i>Phải thu khác</i>	<i>360.052</i>	<i>310.647.501</i>
	<b><u>700.860.080</u></b>	<b><u>23.584.093.252</u></b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	96.650.328	155.194.328
	<b><u>96.650.328</u></b>	<b><u>155.194.328</u></b>

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.583.334	-
Chi phí hợp đồng tư vấn chưa phân bổ	-	1.142.181.172
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	373.900.509	233.659.832
	<b><u>375.483.843</u></b>	<b><u>1.375.841.004</u></b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	296.033.845	564.525.099
Phí sử dụng thiết bị, quản lý	89.045.669	84.805.258
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.371.800.878	90.663.950
Chi phí trả trước dài hạn khác	65.393.938	-
	<b><u>1.822.274.330</u></b>	<b><u>739.994.307</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**9 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC****a) Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đặt cọc bình nước Lavie	1.000.000	1.000.000
	<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>

**b) Dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đặt cọc thẻ ra vào tòa nhà	3.050.000	3.100.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng mới tại tòa nhà TNR	817.059.106	1.105.483.554
	<b>820.109.106</b>	<b>1.108.583.554</b>

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2020	9.404.831.936	188.993.991	9.593.825.927
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.526.610.000	-	11.526.610.000
Thanh lý, nhượng bán	(94.730.000)	-	(94.730.000)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>20.836.711.936</b>	<b>188.993.991</b>	<b>21.025.705.927</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2020	5.792.917.974	188.993.991	5.981.911.965
Khấu hao trong năm	3.053.113.274	-	3.053.113.274
Thanh lý, nhượng bán	(28.419.000)	-	(28.419.000)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>8.817.612.248</b>	<b>188.993.991</b>	<b>9.006.606.239</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	3.611.913.962	-	3.611.913.962
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>12.019.099.688</b>	<b>-</b>	<b>12.019.099.688</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.345.566.927 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm kế toán VND	Phần mềm giao dịch chứng khoán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2020	632.075.520	7.173.925.000	7.806.000.520
Mua trong năm	58.250.000	2.651.060.000	2.709.310.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	5.305.500.000	5.305.500.000
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>690.325.520</b>	<b>15.130.485.000</b>	<b>15.820.810.520</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2020	610.486.282	2.135.942.527	2.746.428.809
Khấu hao trong năm	44.399.005	2.182.542.687	2.226.941.692
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>654.885.287</b>	<b>4.318.485.214</b>	<b>4.973.370.501</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	21.589.238	5.037.982.473	5.059.571.711
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>35.440.233</b>	<b>10.811.999.786</b>	<b>10.847.440.019</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 944.005.520 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Mua sắm tài sản cố định	500.000.000	16.604.780.000
Máy móc thiết bị	-	11.112.670.000
Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	186.610.000
Phần mềm chứng khoán	500.000.000	5.305.500.000
	<b>500.000.000</b>	<b>16.604.780.000</b>

**13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền nộp ban đầu	853.279.489	853.279.489
Tiền nộp bổ sung	1.580.125.760	525.218.013
Tiền lãi phân bổ trong năm	286.914.186	123.284.780
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.720.319.435</b>	<b>1.501.782.282</b>

**14 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	956.801.879	263.595.673
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	75.589.297	68.816.709
	<b>1.032.391.176</b>	<b>332.412.382</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính****Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020****15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	-	1.971.200.000
Công ty TNHH giải pháp phần mềm tài chính công nghệ DTND	-	2.000.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT	1.760.000	816.717.000
Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và giải pháp CMC	-	152.750.000
Công ty Công nghệ thông tin VNPT	200.000.000	-
Phải trả các đối tượng khác	104.163.887	138.701.446
	<b>305.923.887</b>	<b>5.079.368.446</b>

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	143.200.124	46.026.744
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	589.067.942	1.086.301.120
Thuế Thu nhập cá nhân	6.028.506.032	2.071.575.598
	<b>6.760.774.098</b>	<b>3.203.903.462</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	78.948.441	57.107.279
Chi phí thi công nội thất văn phòng mới	-	1.027.059.462
Chi phí phải trả khác	70.000.000	70.000.000
	<b>148.948.441</b>	<b>1.154.166.741</b>

**19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	182.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.761.412	5.573.690
	<b>185.761.412</b>	<b>5.573.690</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Ông Luyện Quang Thắng	9,98%	33.832.200.000	9,98%	33.832.200.000
Bà Hoàng Phương Hằng	9,98%	33.832.200.000	9,98%	33.832.200.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	80,04%	271.335.600.000	80,04%	271.335.600.000
	<b>100%</b>	<b>339.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>339.000.000.000</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	13.116.651.270	10.422.729.956
Lợi nhuận chưa thực hiện	11.974.080.000	-
	<b>25.090.731.270</b>	<b>10.422.729.956</b>

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	10.422.729.956	2.564.719.229
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	12.550.194.310	8.114.482.649
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	22.972.924.266	10.679.201.878
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(1.042.272.996)	(256.471.922)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(521.136.498)	(128.235.961)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(521.136.498)	(128.235.961)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	(8.814.000.000)	-
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính</b>	<b>13.116.651.270</b>	<b>10.422.729.956</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 05 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lũy kế đến 31/12/2019	100,00%	10.422.729.956
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	521.136.498
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	521.136.498
Chi trả cổ tức (bằng 2,6% vốn điều lệ)	84,57%	8.814.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5,43%	566.456.960



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	339.000.000.000	339.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	339.000.000.000	339.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	339.000.000.000	339.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(8.814.000.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(8.814.000.000)	-

**e) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.900.000	33.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.900.000	33.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.900.000	33.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.900.000	33.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.900.000	33.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.437.862.030.000	1.165.122.730.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	155.050.000.000	16.565.030.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	630.945.080.000	526.189.800.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	90.000.000.000	90.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	25.803.100.000	24.347.100.000
	<b>2.339.660.210.000</b>	<b>1.822.224.660.000</b>

**22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	14.585.510.000	-
	<b>14.585.510.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**23 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.761.527.792	14.454.291.537
1. Nhà đầu tư trong nước	8.668.559.545	14.361.498.230
2. Nhà đầu tư nước ngoài	92.968.247	92.793.307
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	433.384.993	539.460.324
1. Nhà đầu tư trong nước	433.384.993	539.460.324
Tiền gửi của tổ chức phát hành	760.000	-
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	760.000	-
	<b>9.195.672.785</b>	<b>14.993.751.861</b>

**24 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.761.527.792	14.454.291.537
1.1. Nhà đầu tư trong nước	8.668.559.545	14.361.498.230
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	92.968.247	92.793.307
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	433.384.993	539.460.324
2.1. Nhà đầu tư trong nước	433.384.993	539.460.324
	<b>9.194.912.785</b>	<b>14.993.751.861</b>

**25 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	47.757.626.700	16.149.957.533
1.1 Phải trả gốc margin	47.607.800.551	16.134.436.214
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	47.607.800.551	16.134.436.214
1.2 Phải trả lãi margin	149.826.149	15.521.319
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	149.826.149	15.521.319
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	42.445.905.354	10.108.403.073
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	42.393.674.303	10.102.300.000
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	42.393.674.303	10.102.300.000
2.2 Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	52.231.051	6.103.073
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	52.231.051	6.103.073
	<b>90.203.532.054</b>	<b>26.258.360.606</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**26 . THU NHẬP**

**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
<b>FVTPL</b>							
Cổ phiếu chưa niêm yết		9.100.000.000	11.700.000.000	-	2.600.000.000	-	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	650.000	9.100.000.000	11.700.000.000	-	2.600.000.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết		767.050.410.841	763.026.694.627	4.023.716.214	-	-	-
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	736	73.600.000.000	73.600.000.000	-	-	-	-
- Trái phiếu Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	9.435	95.959.561.646	95.106.227.187	853.334.459	-	-	-
- Trái phiếu công ty Cổ phần An Phát Finance	459.356	597.490.849.195	594.320.467.440	3.170.381.755	-	-	-
Công cụ thị trường tiền tệ		24.139.830.000	23.091.400.800	-	-	1.048.429.200	-
- Chứng quyền AAA	3.900	24.139.830.000	23.091.400.800	-	-	1.048.429.200	-
		<b>800.290.240.841</b>	<b>797.818.095.427</b>	<b>4.023.716.214</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>1.048.429.200</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	997.600.000	17.141.917.808
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	464.307.395
Từ các khoản cho vay	1.590.671.077	1.273.484.457
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5.500.000.000	-
	<b>8.088.271.077</b>	<b>18.879.709.660</b>
<b>27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	209.194.193	256.730.351
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	276.027.397
	<b>209.194.193</b>	<b>532.757.748</b>
<b>28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	278.750.684
	<b>-</b>	<b>278.750.684</b>
<b>29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	4.834.491.333	5.442.660.425
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	226.445.620	182.954.385
Chi phí vật tư văn phòng	2.500.000	9.133.911
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.421.573.967	1.517.943.110
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	184.823.005	102.661.853
Chi phí thuế, phí và lệ phí	911.811.259	2.466.466.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.918.444.556	7.495.995.008
Chi phí khác	162.258.103	282.087.408
	<b>12.662.347.843</b>	<b>17.499.902.560</b>
<b>30 . THU NHẬP KHÁC</b>		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền phạt thu được	1.403.479.453	-
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	31.363.636	13.636.364
Các khoản khác	894.170	16.978.268
	<b>1.435.737.259</b>	<b>30.614.632</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	28.419.000	-
Các khoản bị phạt	37.404.165	130.750.036
Chi phí cộng tác viên năm 2018	-	6.666.666
Tiền phạt đặt cọc thuê văn phòng Diamond	-	245.795.000
Tiền phạt đặt cọc thuê văn phòng TNL	288.424.448	-
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	68.407.633	25.586.563
Lãi phạt đặt cọc mua bán Trái phiếu	1.267.671.232	-
Các khoản khác	125.137.296	37.565.391
	<b>1.815.463.774</b>	<b>446.363.656</b>

**32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.478.342.252	10.186.573.835
Các khoản điều chỉnh tăng	450.965.909	173.882.093
- Chi phí không hợp lệ	450.965.909	173.882.093
Các khoản điều chỉnh giảm	(12.971.680.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(997.600.000)	-
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(11.974.080.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.957.628.161	10.360.455.928
Thuế suất thuế TNDN năm nay	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm nay	2.791.525.632	2.072.091.186
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo quyết định 116/2020/QH14	837.457.690	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1.954.067.942</b>	<b>2.072.091.186</b>
Tiền chậm nộp thuế TNDN năm trước	-	65.948.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.086.301.120	1.429.360.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.451.301.120)	(2.481.099.419)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>589.067.942</b>	<b>1.086.301.120</b>

**33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	24.524.274.310	8.114.482.649
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	24.524.274.310	8.114.482.649
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	33.900.000	33.900.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>723</b>	<b>239</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán				
	31/12/2020		01/01/2020		
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng	
VND	VND	VND	VND		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.632.854.390	-	26.537.848.271	-	
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	251.700.000.000	-	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	241.510.381.056	-	-	-	
Các khoản cho vay	90.001.474.854	-	26.236.736.214	-	
Các khoản phải thu	700.860.080	-	23.584.093.252	-	
	<b>345.845.570.380</b>	<b>-</b>	<b>328.058.677.737</b>	<b>-</b>	
			31/12/2020	01/01/2020	
			VND	VND	
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			1.524.076.475	5.417.354.518	
Chi phí phải trả			148.948.441	1.154.166.741	
			<b>1.673.024.916</b>	<b>6.571.521.259</b>	

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	241.510.381.056	-	-	241.510.381.056
	<u>241.510.381.056</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>241.510.381.056</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	251.700.000.000	-	-	251.700.000.000
	<u>251.700.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>251.700.000.000</u>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.632.854.390	-	-	13.632.854.390
Các khoản cho vay	90.001.474.854	-	-	90.001.474.854
Các khoản phải thu	700.860.080	-	-	700.860.080
	<u>104.335.189.324</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>104.335.189.324</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.537.848.271	-	-	26.537.848.271
Các khoản cho vay	26.236.736.214	-	-	26.236.736.214
Các khoản phải thu	23.584.093.252	-	-	23.584.093.252
	<u>76.358.677.737</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>76.358.677.737</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	1.524.076.475	-	-	1.524.076.475
Chi phí phải trả	148.948.441	-	-	148.948.441
	<u>1.673.024.916</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.673.024.916</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	5.417.354.518	-	-	5.417.354.518
Chi phí phải trả	1.154.166.741	-	-	1.154.166.741
	<u>6.571.521.259</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.571.521.259</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư tự doanh VND	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu hoạt động	32.151.268.395	22.495.396.214	1.590.671.077	6.644.758.565	62.882.094.251
Chi phí hoạt động	16.069.287.365	2.663.258.840	-	4.838.325.629	23.570.871.834
Doanh thu không phân bổ					209.194.193
Chi phí không phân bổ					12.662.347.843
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>16.081.981.030</b>	<b>19.832.137.374</b>	<b>1.590.671.077</b>	<b>1.806.432.936</b>	<b>26.858.068.767</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.436.640.000	-	-	-	3.436.640.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.178.762.263	241.510.381.056	90.151.301.003	1.785.362.740	336.625.807.062
Tài sản không phân bổ					40.114.551.652
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.178.762.263</b>	<b>241.510.381.056</b>	<b>90.151.301.003</b>	<b>1.785.362.740</b>	<b>376.740.358.714</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	1.032.391.176	-	-	1.032.391.176
Nợ phải trả không phân bổ					10.318.491.350
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>1.032.391.176</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.350.882.526</b>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính****Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020****37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

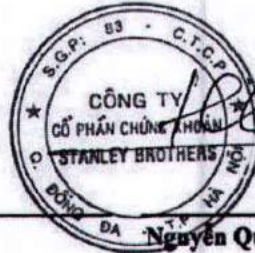
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị như sau:

	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng giám đốc	1.063.168.490	726.373.317
Ông Trịnh Quang Huy	Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 01/06/2020	57.917.284	-
Ông Lương Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT Miễn nhiệm ngày 29/05/2020	469.462.796	187.944.509

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Năm  
Người lập

Bùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng
  
Nguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021





**SBSI** 

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS (SBSI)**

Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

(84) 2433776699

<https://sbsi.vn/>